

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 10/2020/DS-PT

Ngày 20-5-2020

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản,
quyền sở hữu tài sản và tranh chấp
liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn
bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trung Thành
Ông Cầm Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 18 đến 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản, quyền sở hữu tài sản và tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Giang Thị K, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Xóm X, tiểu khu Y, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Châu Loan, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Xóm X, tiểu khu W, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Trọng M – thuộc Văn phòng luật sư Thành Sơn và đồng sự. Địa chỉ: Số A808, Tòa nhà M3-M4, 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Sơn – Luật sư Văn phòng luật sư Thành Sơn và đồng sự. Địa chỉ: Số A808, Tòa nhà M3-M4, 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Văn phòng Công chứng Hồng Hà, tỉnh Sơn La (nay là Văn phòng công chứng Lê Xiêm).

Địa chỉ: Tiểu khu Q, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hải X1 – Trưởng văn phòng. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1930. Địa chỉ: Tiểu khu 13, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La (đã chết).

+ Cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 12/4/2011. Địa chỉ: Xóm 1, tiểu khu 1, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Đại diện theo pháp luật của cháu Hoàng Gia B: Ông Hoàng Văn Đồng, bà Ma Thị Thanh Hà. Địa chỉ: Xóm 1, tiểu khu 1, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1940. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thái X, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Tiểu khu 20, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

- Bà Giang Thị K - Nguyên đơn;

- Bà Nguyễn Thị Châu L – Bị đơn;

- Ông Hoàng Văn Đ – Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Gia B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:***

Nguyên đơn bà Giang Thị K trình bày:

Bà và chồng cũ là ông Hoàng T có tài sản chung là trang trại, diện tích 21.160 m², đất thuê khoán 50 năm nhận từ Nông trường TH Sơn La đã trồng cây ăn quả, nay thuộc quản lý của tiểu khu 3/2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Ông bà ly hôn năm 2004 và đã chia nhau mỗi người một nửa diện tích đất là 10.580m² cùng cây ăn quả trồng trên đất. Trước khi mất, ông Hoàng T đã lập di chúc có công chứng ngày 14/8/2014, tại trụ sở văn phòng công chứng Hồng Hà tỉnh Sơn La. Di chúc chia số tài sản riêng của ông T như sau:

Cháu Hoàng Thanh TX (con riêng của bà K và ông T) được hưởng thừa kế tổng diện tích là 5.290m² chia theo chiều mặt đường dân sinh, có chiều rộng tiếp giáp với mặt đường dân sinh tại tiểu khu 1 là 23m, chiều sâu hết đất là 230m, cùng toàn bộ cây ăn quả gắn liền trên đất. Tứ cận tiếp giáp: Phía Tây Nam giáp đường dân sinh, Đông Nam giáp với đất hộ gia đình anh Sơn Trinh, phía Đông Bắc tiếp giáp với đường lô, phía Tây Bắc tiếp giáp với đất của cháu Hoàng Gia B.

Cháu Hoàng Gia B (con riêng của ông T với vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị Châu L). Cháu B được hưởng 5.290m² chia theo chiều mặt đường dân sinh, có chiều rộng tiếp giáp với đường dân sinh tại tiểu khu 1 là 23m, chiều sâu hết đất 230m cùng toàn bộ tài sản trên đất là ngôi nhà xây cấp 4, cùng công trình phụ kèm theo, hoa màu cây ăn quả gắn liền với đất. Trong thời gian cháu Hoàng Gia B còn nhỏ, bà L là mẹ đẻ của cháu B sử dụng tài sản của cháu B đến khi cháu B trưởng thành thì giao lại cho cháu Bảo.

Nhưng khi ông T mất, bà L không chia đất cho cháu Hoàng Thanh TX theo như di chúc của ông T. Ngày 01/10/2017, cháu Hoàng Thanh TX đã đột ngột qua đời. Ông T đã để lại di chúc cho cháu TX khối tài sản (như bản di chúc ngày 14/8/2014, đã nêu ở phần trên). Ngoài ra cháu TX còn có tài khoản thuộc Ngân hàng Công Thương Hà Nội. Do vậy, chỉ có bà K là mẹ đẻ của cháu TX là người thừa kế hàng thứ nhất của cháu Hoàng Thanh TX, nên bà phải được hưởng di sản thừa kế và tài khoản tại Ngân hàng Công Thương của cháu TX. Còn mẹ kế của cháu TX là bà Nguyễn Thị Châu L không được hưởng di sản thừa kế và không có quyền và nghĩa vụ nào khác liên quan đến di sản để lại cho cháu Hoàng Thanh TX.

Do vậy, bà làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện MS xem xét giải quyết cho bà được hưởng di sản thừa kế của cháu Hoàng Thanh TX theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà Giang Thị K đề nghị nhượng lại toàn bộ phần di sản thừa kế mà bà được hưởng từ anh Hoàng Thanh TX cho chị Hoàng Thái X.

Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 23/8/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L và người đại diện theo ủy quyền của bà L là anh Lê Trọng M trình bày như sau:

Bà L và ông Hoàng T (mất năm 2014) kết hôn với nhau từ năm 2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 05/11/2008 của UBND thị trấn HL. Ông bà có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B (sinh năm 2011). Sinh thời chồng bà có hai người con chung với bà Giang Thị K là cháu Hoàng Thanh TX (mất năm 2017) và cháu Hoàng Thái X (sinh năm 1998). Tại bản án sơ thẩm số 12/DSST ngày 23/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện MS đã giao cho ông Hoàng Tnuôi dưỡng cháu Hoàng Thanh TX và giao cho bà Giang Thị K nuôi dưỡng cháu Hoàng Thái X. Về tài sản Tòa án phân chia:

Ông Hoàng T được chia 01 ngôi nhà xây, 01 bếp, 01 xe máy và 01 trang trại tại Km39 theo đường lô 50m, sâu 200m.

Bà Giang Thị K được chia 01 gian nhà xây giáp đường nhựa, 1/2 đất vườn trang trại 50 theo đường lô sâu 200m chiều sâu và tiền chên lệch tiền xe máy. Một phần diện tích đất sử dụng là do khai hoang. Một phần là đất nhận giao khoán số 201/HĐGK tháng 5/1993 với Nông trường TH.

Sau khi Tòa án phân chia, do gia đình bà vẫn có nhu cầu sử dụng đất để canh tác nên diện tích đất giao khoán cho chồng bà được chia là 0,75ha theo Bản

án số 12/DSST ngày 23/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện MS tiếp tục được Công ty Nông nghiệp TH giao khoán cho hộ gia đình nhận khoán theo hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản số 345 HĐ/CT/2009 ngày 01/01/2009. Trong đó, Công ty Nông nghiệp TH giao khoán cho gia đình bà 0,75ha đất trồng cây lâu năm, thời hạn hợp đồng là 1 năm, hợp đồng giao khoán được ký kết lại hàng năm. Thời điểm năm 2009, hộ gia đình bà gồm chồng bà, và bà.

Sau khi chồng bà mất năm 2014, bà vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình được giao khoán đất trồng cây theo hợp đồng với Công ty Nông nghiệp TH. Diện tích thực tế hiện nay bà đang sử dụng cụ thể bà cũng không biết bao nhiêu mét.

Việc bà Giang Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản cho bà Giang Thị K 5.290m² đất và đang quản lý với lý do trước khi mất chồng bà là Hoàng T đã lập di chúc ngày 14/8/2014 được Công chứng tại Văn phòng Công Chứng Hồng Hà, tỉnh Sơn La. Bà không đồng ý với yêu cầu của bà Giang Thị K, đồng thời cho rằng di chúc này là giả mạo, không đúng sự thật, không đúng ý chí của chồng bà. Cụ thể:

Chồng bà chưa bao giờ lập di chúc nào định đoạt di sản của chồng bà. Trong quá trình chồng bà bị bệnh ung thư, bà là người chăm sóc. Tuy nhiên chưa bao giờ bà nghe thấy chồng nói gì về việc lập di chúc. Cho đến thời điểm chồng bà chết. Chồng bà chưa lập bất cứ một di chúc nào để chia di sản cho ai.

Chồng bà mất ngày 01/9/2014, văn bản công chứng di chúc thể hiện ngày 14/8/2014. Tuy nhiên thời điểm đó chồng bà đang bị bệnh ung thư giai đoạn cuối nằm ở nhà do bà trực tiếp chăm sóc, không thể đi ra khỏi nhà để lập di chúc được, bà cũng không nhìn thấy người làm chứng Đỗ Duy E nào đến nhà bà.

Tài sản trên đất là tài sản của gia đình bà, trong đó bà cũng có quyền sử dụng. Ông T không được tự ý định đoạt tài sản chung khi chưa có sự đồng ý của bà. Mặt khác, diện tích đất trên là đất do Công ty Nông nghiệp TH giao khoán cho hộ gia đình bà canh tác, theo quy định của pháp luật và hợp đồng, các thành viên của hộ gia đình phải được sử dụng đúng mục đích. Như vậy khi chồng bà mất thì những người còn lại trong hộ gia đình tiếp tục được sử dụng. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố Văn bản di chúc ngày 14/8/2014 do Văn phòng Công chứng Hồng Hà Tỉnh Sơn La Công chứng số 0381423, quyền số 02/TP/CC-SCC-HĐGD vô hiệu;

2. Yêu cầu Tòa án công nhận bà (với tư cách là thành viên của hộ gia đình được giao khoán đất) là người có quyền sử dụng diện tích 0,75ha đất được giao khoán theo hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản số 345 HĐ/CT/2009 ngày 01/01/2009 giữa đại diện chủ hộ ông Hoàng T giao kết với công ty Nông nghiệp TH.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 18/01/2009, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thái X trình bày như sau:

Chị là con thứ hai của ông Hoàng T và bà Giang Thị K. Ngày 01/9/2014, ông Hoàng T mất. Chị hoàn toàn nhất trí theo di chúc của bố chị để lại. Tuy nhiên để bảo vệ quyền lợi cho chị, chị đề nghị Tòa án xem xét đến quyền lợi của chị theo quy định của pháp luật, không phụ thuộc vào nội dung của di chúc trên. Nếu như trong trường hợp di chúc của bố chị vô hiệu, chị mong Tòa án sẽ chia thừa kế theo quy định của pháp luật toàn bộ di sản của bố chị để lại. Trong đó quyền sử dụng đất và nhà khoảng 100 triệu và khoản tiền bảo hiểm được hưởng khi mất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Ông Hoàng T là con trai ruột thứ 5 của bà, ông T đã mất. Do bà tuổi cung đã cao, nên được hưởng phần di sản thừa kế của ông T (con trai bà) để lại thì phần của bà được nhận bà sẽ để lại cho cháu B (là con chung của ông T và bà L). Đối với phần tiền tử tuất một lần của ông Hoàng T được bảo hiểm xã hội chi trả bà có ý kiến nếu được nhận thì bà sẽ sử dụng số tiền này để chi tiêu chăm sóc cho tuổi già của bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hải Q – Đại diện theo pháp luật của văn phòng Công chứng Hồng Hà (nay đổi tên thành văn phòng Công chứng Lê Q) trình bày:

Ngày 14/8/2014, ông được Hoàng T liên hệ nhờ làm thủ tục soạn thảo và công chứng di chúc. Khi đó ông T đã trình bày đang bị ốm. Ông đã đến tận nhà ông T để thực hiện việc Công chứng. Khi ông đến thì đã có ông Đỗ Văn E có mặt ở đó. Ông T đã cung cấp cho ông 01 hợp đồng nhận khoán với nông trường TH và trao đổi nguyện vọng được lập di chúc về việc chia tài sản riêng của ông T sau khi ly hôn với bà K cho hai con trai. Sau đó ông xác định nguồn gốc tài sản. Cụ thể: Trước khi ông T kết hôn với bà L, ông T đã có tài sản riêng này. Ông T có quyền định đoạt tài sản riêng của mình theo quy định của pháp luật và không phụ thuộc vào ai. Việc lập di chúc của ông T ngoài công chứng viên và người làm chứng không ai biết và cũng không cần phải biết. Bản thân ông phải có nghĩa vụ và trách nhiệm giữ bí mật cho bản di chúc của ông T. Việc ông T lập di chúc định đoạt phần tài sản của mình hoàn toàn hợp lý và đúng với ý chí của ông T. Tuy nhiên trong thời gian đó ông T cũng bệnh nặng nhưng đầu óc minh mẫn sáng suốt. Việc thụ lý hồ sơ theo yêu cầu công chứng của ông T được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Và ông đã nhận được phí công chứng 40.000đ. Bản di chúc do ông Hoàng T lập là di chúc hợp pháp có hiệu lực pháp luật từ ngày công chứng. Sau khi công chứng thì không có ai khiếu nại thắc mắc gì. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Châu L về việc tuyên bố văn bản di chúc vô hiệu.

Ông Hoàng Văn Đ là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án cháu Hoàng Gia B có ý kiến như sau:

Ông là em trai ruột của ông Hoàng Thanh. Sau khi ông T phát hiện có bệnh đã có tâm nguyện là ông sẽ có trách nhiệm chăm sóc các con của ông T khi ông T mất. Nên vào ngày 22/7/2014 vợ chồng ông đã làm thủ tục đăng ký nhận con nuôi đối với cháu Hoàng Gia B tại Ủy ban nhân dân thị trấn HL, MS, Sơn La theo quy định của pháp luật. Ông là người em thân thiết nhất với ông T, ông T có tâm nguyện không muốn chia tài sản mà muốn để toàn bộ phần tài sản là nhà và đất tại tiểu khu 1, thị trấn HL, MS, Sơn La của ông T cho bà L và cháu B tiếp tục được sử dụng. Nếu sau này bà L có đi bước nữa thì ông phải có trách nhiệm chăm sóc cho cháu B đến khi trưởng thành. Còn cháu TX đã trưởng thành có công việc rồi thì sẽ tự có trách nhiệm với bản thân, nếu có khó khăn gì thì ông sẽ có trách nhiệm với cháu. Đối với Di chúc của ông T để lại như bà K đã cung cấp cho Tòa án thì ông không được biết về nội dung này. Đối với diện tích đất ông T và bà L đang sử dụng có nguồn gốc là đất của Nông trường TH nên không thể chia còn tài sản trên đất thì phải xác định rõ công sức đóng góp của bà L để phân chia cho công bằng theo hàng thừa kế. Nếu trường hợp Tòa án xem xét giải quyết theo hướng sẽ chia di sản thừa kế của ông T thì phải xác định đất có nguồn gốc của Nông trường TH nên không thể chia mà phải tiếp tục giao cho bà L để quản lý sử dụng vì là người trực tiếp đang ở trên đất. Còn đối với các tài sản trên đất thì phải xác định rõ công sức đóng góp của bà L để xác định phần của bà L riêng, chỉ chia phần của ông T cho các hàng thừa kế. Kỳ phần thừa kế cháu B được hưởng theo quy định thì ông sẽ là người đại diện nhận để giữ cho cháu. Đối với phần tử tuất khi ông T mất mà gia đình được nhận thì theo ông số tiền này cháu B là người sẽ được hưởng phần này vì cháu là người con duy nhất chưa đủ tuổi trưởng thành. Cháu Hoàng Thái X thì đã đi học đại học, bà K có trách nhiệm nuôi dưỡng. Còn bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B nên việc sử dụng số tiền này như thế nào thì bà L có quyền định đoạt để đảm bảo cuộc sống cho hai mẹ con. ông chỉ đề nghị Tòa án xác định rõ phần công sức đóng góp của bà L vì từ khi kết hôn với ông T bà L là người rất có trách nhiệm với gia đình chồng con. Thời điểm ông T ốm bệnh bà L cũng hết lòng vay mượn chạy chữa cho chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/10/2019, bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Hữu V có 05 người con chung. Bà Nguyễn Thị Châu L là con thứ hai của ông bà. Năm 2008, bà L kết hôn với ông Hoàng Thanh. Bà được biết là một thời gian sau kết hôn ông T nghỉ ở nhà không đi làm, bà L đi làm công nhân ở nhà máy xi măng, còn vợ chồng bà L có thu nhập như thế nào thì bà không rõ. Năm 2014 ông T mất, bà L ở nhà chăm sóc con, nghỉ làm công nhân. Bà là thân nhân của ông T thuộc diện được nhận phần tiền tử tuất của ông T, bà đề nghị nhượng lại toàn bộ phần tiền tử tuất bà được hưởng của ông T cho bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La quyết định:

Căn cứ Điều 33, 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 633, 634, 635, Điều 637, Điều 649, Điều 650; Điều 652; Điều 657, Điều 658, Điều 661, Khoản 4 Điều 667, Điều 669, Điều 684, Điều 711, Điều 714 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 63, Điều 66 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006,

Căn cứ Điều 9, khoản 2 Điều 12, Điều 36, Điều 39, Điều 43 Luật công chứng năm 2006; Điều 50 Luật công chứng năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2018.

Căn cứ khoản 2, khoản 5, khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 5 Điều 69; điểm a khoản 1 Điều 87; Điều 227; Điều 228; Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị K về việc chia di sản thừa kế của cháu Hoàng Thanh TX. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị Châu Loan về việc đề nghị tuyên bố Di chúc lập ngày 14/8/2014 vô hiệu. Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế và chia tiền tử tuất của ông Hoàng Thanh. Tách yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà L tại phiên tòa về việc thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, cụ thể là đối với các khoản tiền bà L khai vay để nhằm mục đích chữa trị bệnh cho ông T và lo mai táng cho ông T xem xét giải quyết trong vụ án khác.

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng T gồm: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Châu L, anh Hoàng Thanh TX, cháu Hoàng Gia B, chị Hoàng Thái X.

2. Di sản thừa kế của ông Hoàng T gồm:

2.1. Ngôi nhà xây cấp bốn có diện tích 60,84m² cùng khu công trình phụ trên đất gồm: bếp có diện tích 31,2m², kho có diện tích 39m², nhà vệ sinh có diện tích 4,6m², bể nước 8m³. Tổng giá trị tài sản trên là 93.873.000đ được xác định là tài sản chung của ông Hoàng T và bà Nguyễn Thị Châu L. Phần di sản của ông Hoàng T bằng ½ giá trị khối tài sản trên là 46.936.500đ.

Các công trình còn lại gắn liền với nhà gồm sân bê tông, kho, mái tôn gắn liền, liền kề với nhà là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Châu Loan.

2.2. Giá trị cây trồng trên đất là 249.699.000đ được xác định có mật độ cây trồng, độ phủ tán trái đều trên toàn bộ diện tích đất trồng cây có tranh chấp là

9.295,1m². Trung bình giá trị cây cối trên 1m² là 26.864đ/1m².

Phần di sản của ông T gồm: 216 cây nhãn ghép chín muộn có giá trị 220.320.000đ. Trong đó xác định công sức đóng góp của bà L chăm sóc cây cối là 20% giá trị bằng 44.064.000đ. Giá trị di sản thực còn là 176.256.000đ.

Xác định 72 cây na cho quả từ 3 năm đến dưới 5 năm có giá trị 10.800.000đ; 02 cây bưởi trồng từ 4 năm trở lên trị giá 100.000đ; 03 cây Bơ cho quả từ 3 đến 5 năm trị giá 1.050.000đ; 33 cây mận, mơ cho quả từ 3 đến dưới 5 năm trị giá 9.174.000đ. 16 cây xoan trồng từ 4 năm đến khi khép tán trị giá 272.000đ; 06 cây Xoài cho quả từ 3 đến dưới 5 năm trị giá 2.100.000đ là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà L có tổng giá trị là 23.496.000đ. Phần di sản của ông T bằng $\frac{1}{2}$ giá trị cây cối trên là 11.748.000đ.

Phần cây cối còn lại gồm 8 cây nhãn chưa cho thu hoạch từ 1 đến 2 năm trị giá 552.000đ; 3 cây đu đủ cho thu hoạch dưới 3 năm trị giá 165.000đ; 21 cây bơ ghép chiết trồng từ 1 đến dưới 2 năm trị giá 1.449.000đ; 20 cây bương già trị giá 1.200.000đ; 37 cây bương non trị giá 1.295.000đ; 02 cây chanh trị giá 44.000đ; 01 cây ổi trị giá 22.000đ; 1 cây táo trị giá 22.000đ; hàng rào cây sống 1.134.000đ. Có tổng giá trị là 5.883.000đ là tài sản riêng của bà L trồng sau khi ông T chết.

Tổng di sản thừa kế của ông T có giá trị 234.940.500đ.

3. Tuyên bố di chúc ông Hoàng T lập ngày 14/8/2014 vô hiệu đối với việc định đoạt quyền sử dụng diện tích đất 10580m². Trong đó: 7500m² có nguồn gốc nhận thầu khoán của nông trường theo hợp đồng số 345 giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản ngày 01/01/2010 được ký giữa bên giao khoán là Công ty Nông nghiệp TH và bên nhận khoán là ông Hoàng T và 3.080m² và khai hoang sử dụng thêm. Hiện toàn bộ diện tích đất trên được giao cho UBND huyện MS quản lý theo quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên nông nghiệp TH tại huyện MS, tỉnh Sơn La. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vô hiệu đối với việc định đoạt $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là tài sản chung của ông Hoàng T với bà L. Xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 01/9/2014.

Yêu cầu Văn phòng công chứng Hồng Hà (nay là văn phòng Công chứng Lê Xiêm) phải sửa lỗi kỹ thuật trong đánh máy văn bản tại phần ghi địa điểm công chứng. Sửa từ: Tại trụ sở văn phòng công chứng Hồng Hà tỉnh Sơn La thành tại nhà ông Hoàng T tiểu khu 1, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Trong phần lời chứng của công chứng viên (Việc sửa lỗi kỹ thuật được thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật Công chứng năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2018.

4. Toàn bộ di sản của ông Hoàng T được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Châu L và chị Hoàng Thái X mỗi

người được chia kỷ phần có giá trị bằng 2/3 mỗi kỷ phần được chia theo pháp luật. Mỗi kỷ phần được chia cho bà Ng, bà L, chị X là 31.325.400đ.

- Anh Hoàng Thanh TX và cháu Hoàng Gia B mỗi người được chia kỷ phần bằng $\frac{1}{2}$ giá trị di sản còn lại của ông T sau khi đã được chia cho bà Ng, bà L, chị Xuân. Mỗi kỷ phần của anh TX và cháu B là 70.482.100đ.

5. Xác định thân nhân của ông Hoàng T thuộc diện được hưởng trợ cấp tuất một lần gồm: bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Châu L, cháu Hoàng Thanh TX, cháu Hoàng Gia B, cháu Hoàng Thái X, bà Nguyễn Thị Đ. Số tiền trợ cấp tuất một lần là 171.450.693đ. Bà Ng, bà L, cháu B, anh TX, chị X, bà Đ mỗi người được số tiền 28.575.115đ.

Buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho chị X và anh TX mỗi người 28.575.115đ.

Đối với phần tiền tuất của bà Ng, cháu B, bà Đ do các đương sự trên không có yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết ở một vụ án khác khi có yêu cầu.

6. Xác định di sản của cháu TX để lại trước khi chết gồm phần di sản được chia theo di chúc do ông Hoàng T để lại và khoản tiền được hưởng trong số tiền trợ cấp tuất một lần của ông Hoàng T. Tổng di sản thừa kế của anh Hoàng Thanh TX là: 101.960.966đ. Thời điểm mở thừa kế của anh TX là ngày 01/10/2017.

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của anh Hoàng Thanh TX là bà Giang Thị K. Toàn bộ di sản của anh TX được chia theo pháp luật. Bà Giang Thị K được nhận kỷ phần là toàn bộ di sản thừa kế của anh TX có giá trị: 101.960.966đ.

8. Ghi nhận việc bà Giang Thị K nhượng lại toàn bộ kỷ phần được hưởng thừa kế của anh Hoàng Thanh TX cho chị Hoàng Thái X. Chị Hoàng Thái X được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của anh Hoàng Thanh TX có giá trị là 101.960.966đ. Trong đó có kỷ phần của anh Hoàng Thanh TX được hưởng của ông Hoàng T có giá trị 70.482.100đ và khoản tiền được hưởng trong số tiền trợ cấp tuất một lần của ông Hoàng T là 31.325.400đ.

9. Chia hiện vật cụ thể như sau:

9.1. Bà Nguyễn Thị Châu L được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ ngôi nhà cùng công trình phụ trên đất (bao gồm toàn bộ di sản của ông Hoàng T nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng là nhà ở, bếp, bể nước, công trình phụ, và các tài sản khác gồm sân bê tông, kho, mái tôn được bà L làm sau khi ông Hoàng T chết) gắn liền với phần diện tích đất được tạm giao là: 463,6m². Phần di sản bà L được chia có giá trị 46.936.500đ. So với kỷ phần được hưởng còn thừa 15.611.100đ.

Phần giá trị cây cối bà L được chia là 61.695.000đ (gồm giá trị phần công sức đóng góp trong việc chăm sóc cây cối, cây trồng sau khi ông T chết là tài sản riêng của bà L và $\frac{1}{2}$ giá trị cây trồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân với ông T). Sau khi bù trừ với phần còn thừa của kỷ phần được hưởng 15.611.100đ

còn lại là 46.084.000đ. Bà L được sở hữu toàn bộ cây trồng có giá trị 46.084.000đ nằm trên phần diện tích đất được tạm giao là 1.715,5m².

Tổng diện tích đất bà L được tạm giao là 2.179,1m². Vị trí thửa đất như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất nhà ông Phạm Văn S (V) có chiều dài 221,17m.

Phía Tây Nam giáp đường đi tiểu khu 3/2 có chiều dài 15,41m.

Phía Đông Nam giáp đất được chia cho Hoàng Thái B là 29,49m và 191,84m;

Phía Đông Bắc giáp đất được chia cho Hoàng Thái B là 6,83m và giáp đường đất là 8,94m.

9.2. Chị Hoàng Thái X được sở hữu và chăm sóc toàn bộ cây trồng có giá trị 31.325.400đ nằm trên phần diện tích đất được tạm giao là 1.166m² (kỷ phần của chị X được hưởng thừa kế của ông Hoàng T) và sở hữu và chăm sóc toàn bộ cây trồng có giá trị 70.482.100đ nằm trên phần diện tích đất được tạm giao là 2.623,7m² (kỷ phần của anh Hoàng Thanh TX được hưởng thừa kế của ông Hoàng T). Tổng giá trị cây cối được sở hữu là: 101.807.500đ nằm trên tổng diện tích đất được tạm giao là 3.789,7m². Vị trí thửa đất như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất được tạm giao cho cháu B có chiều dài 221,69m.

Phía Tây Nam giáp đường đi tiểu khu 32 có chiều dài 18,5m.

Phía Đông Bắc giáp đường đất dài 14,67m

Phía Đông Nam giáp đất ông Sơn Vinh sử dụng có chiều dài 184,30m + 39m = 223,3m.

Trên thửa đất được tạm giao cho chị Hoàng Thái X có 18,67m + 39m + 18,50m tường rào xây bằng gạch ba vanh. Chị X phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Châu L giá trị phần hàng rào xây gạch ba vanh là 12.340.000đ. Bù trừ với nghĩa vụ bà L phải trả cho chị X tiền tử tuất là 62.957.732đ (gồm tiền tử tuất của chị X và anh TX được hưởng). Bà L còn phải trả cho chị X số tiền là 50.617.732đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (chị Xuân) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

9.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ng cho cháu Hoàng Gia B kỷ phần thừa kế được hưởng có trị giá 31.325.400đ. Cháu Hoàng Gia B được sở hữu và chăm sóc toàn bộ cây trồng có giá trị 101.807.500đ (gồm giá trị cây cối tương ứng với kỷ phần được hưởng là 70.482.100đ và giá trị cây cối tương ứng với kỷ phần do bà Ng tự nguyện cho là 31.325.400đ) nằm trên phần diện tích đất được tạm giao là 3.789,7m². Vị trí thửa đất như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất được tạm giao cho bà L có chiều dài 191,84m và 29,49m;

Phía Tây Nam giáp đường đi tiểu khu 32 có chiều dài 14,04m.

Phía Đông Bắc giáp đường đất dài 16,38m, giáp đất tạm giao cho bà L là 6,83m;

Phía Đông Nam giáp đất tạm giao cho chị X có chiều dài 221,69m.

(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/10/2019 và phụ lục sơ đồ tạm giao quyền sử dụng đất cho các đương sự theo bản án)

10. Về án phí và chi phí tố tụng:

10.1. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 10.000.000đ, bà L đã tạm nộp 1.500.000đ, bà K đã tạm nộp là 8.500.000đ. Bà K phải chịu chi phí là 3.000.000đ được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp. Chị Hoàng Thái X phải chịu chi phí là 3.045.000đ, cháu Hoàng Gia B phải chịu chi phí là 3.045.000đ. Bà L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 910.000đ được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp. Cháu B còn phải trả cho bà L tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 590.000đ, trả cho bà K tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 2.455.000đ; Chị X phải trả cho bà K tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.045.000đ.

10.2. Về án phí:

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần thừa kế được hưởng của ông T là 1.566.300đ. Chịu án phí đối với yêu cầu của chị X, bà K về tử tuất được tòa án chấp nhận là 3.147.900đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0001878 ngày 25/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.414.200đ (làm tròn là 4.141.000đ).

Chị X phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần thừa kế được hưởng của ông T là 5.090.400đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số AA/2016/00021028 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị X còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 2.590.400đ (làm tròn là 2.590.000đ).

Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được tòa án chấp nhận là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai thu số AA/2013/04849 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Bà K còn được nhận lại số tiền 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Cháu Hoàng Gia B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 15/10/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L có đơn kháng cáo; ngày 16/12/2019, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Châu L có đơn kháng cáo bổ sung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm với nội dung:

+ Tòa án cấp sơ thẩm cố tình xác định sai về hợp đồng thuê khoán đất, nguồn gốc đất và quan hệ pháp luật đối với việc sử dụng diện tích đất mà phía nguyên đơn tranh chấp.

+ Tòa án cấp sơ thẩm quyết định phân chia cho các đồng thừa kế của ông Hoàng T được sử dụng đất là không phù hợp và trái quy định của pháp luật

+ Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết các khoản nợ của ông T là không đúng. Không chấp nhận bị đơn bổ sung yêu cầu này vào yêu cầu phản tố nhưng vẫn yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, sau đó tách yêu cầu trên ra không xem xét là trái quy định.

+ Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá cho 03 lần thẩm định, định giá là không đúng.

+ Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện MS, Công ty Nông nghiệp TH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đưa ông Hoàng Văn Đ vào tham gia tố tụng với lần xét xử thứ 3 nhưng không tổ chức cho các bên hòa giải với ông Đ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do đó đề nghị cấp phúc thẩm trong trường hợp khắc phục được những thiếu sót của cấp sơ thẩm, đề nghị xác định diện tích đất hiện nay UBND tỉnh Sơn La giao cho UBND huyện MS không phải là diện tích đất được phân chia, tạm giao; đối với các tài sản phải phân chia, đề nghị trước khi phân chia phải thực hiện theo thứ tự thanh toán, phân chia, xác định nghĩa vụ của ông Hoàng T để lại. Trường hợp không khắc phục được các sai sót của cấp sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 15/10/2019, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Gia B – ông Hoàng Văn Đ có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm với nội dung:

+ Việc tạm giao đất cho những người thừa kế di sản của ông Hoàng T là trái pháp luật.

+ Tòa án chưa xác định các nghĩa vụ của ông Hoàng T để lại trước khi mất để trừ vào di sản đã phân chia.

+ Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Đ vào tham gia tố tụng nhưng ông Đ không được hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm tố tụng.

+ Cấp sơ thẩm không tuyên giao đất cho cháu Hoàng Gia B và buộc cháu phải chịu án phí và chi phí tố tụng là không đúng quy định.

- Ngày 28/10/2019, nguyên đơn bà Giang Thị K có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm với nội dung :

+ Không nhất trí với việc cấp sơ thẩm xác định bà L được hưởng riêng 20% tổng giá trị tài sản trên đất của ông T.

+ Không nhất trí với việc cấp sơ thẩm xác định bà L được hưởng 2/3 của một xuất thừa kế do bà L cố tình che giấu di chúc, giả mạo giấy tờ và khai báo không trung thực gây thiệt hại cho những người được thừa kế khác.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không chấp nhận nội dung khởi kiện, kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Gia B (đại diện ông Hoàng Văn Đ): Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ phần mai táng phí của ông Hoàng T vào phần tài sản ông T để lại trước khi chia cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Ông Hoàng T và vợ cũ là bà Giang Thị K ly hôn năm 2004, tại thời điểm ly hôn, ông bà có hai người con chung là Hoàng Thanh TX (sinh năm 1989) và Hoàng Thái X (sinh năm 1998). Khi ly hôn ông Hoàng T được phân chia một diện tích đất cùng với tài sản là nhà cửa và cây ăn quả trên đất. Năm 2008, ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị Châu L, sau đó sinh được 01 người con là cháu Hoàng Gia B (sinh năm 2011). Năm 2014, ông T chết có để lại di chúc. Tuy nhiên di chúc chưa được thực hiện. Năm 2017, anh Hoàng Thanh TX (một trong hai đồng thừa kế theo di chúc của ông T) chết. Bà K – người thừa kế thuộc hàng

thừa kế thứ nhất của anh TX khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T hiện do bà L chiếm hữu. Sau khi bà K khởi kiện, bà L có yêu cầu phản tố yêu cầu tuyên bố di chúc của ông T (có công chứng) là vô hiệu; chị X có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế và khoản tiền từ tuất mà Bảo hiểm xã hội thanh toán cho thân nhân của ông T (hiện do bà L chiếm hữu). Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp về thừa kế tài sản, quyền sở hữu tài sản và Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Châu Loan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện MS, Công ty Nông nghiệp TH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đưa ông Hoàng Văn Đ vào tham gia tố tụng với lần xét xử thứ 3 nhưng không tổ chức cho các bên hòa giải với ông Đ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại thời điểm ông T mất ngày 01/9/2014, giữa hộ gia đình ông T, bà L và công ty Nông Nghiệp TH tồn tại hợp đồng giao khoán. Tuy nhiên đến ngày 17/10/2014, UBND tỉnh Sơn La đã có quyết định thu hồi đất (trong đó có diện tích đất giao khoán) và giao phần đất cho UBND huyện quản lý sử dụng theo quy hoạch. Do đó hợp đồng giữa hộ gia đình ông T, bà L và Công ty Nông Nghiệp TH chấm dứt do đối tượng của hợp đồng không còn. Giữa các bên không có tranh chấp về các nghĩa vụ tài sản theo hợp đồng. Do đó Công ty Nông Nghiệp TH không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Hiện nay diện tích đất trên do UBND huyện MS quản lý theo thẩm quyền, cấp sơ thẩm tạm giao đất nhưng không đưa UBND huyện MS vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã xác định hiện nay diện tích đất trên chưa có quy hoạch. Cấp phúc thẩm xét thấy việc tạm giao đất là cần thiết, quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm đã tiến hành khắc phục thiếu sót, lấy ý kiến của UBND huyện MS. UBND huyện MS đã có công văn số 239/UBND-TNMT ngày 07/02/2020 đề nghị Tòa án thực hiện theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc tạm giao đất không ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Nhà nước. Do đó việc không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện MS vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Đối với kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đưa ông Hoàng Văn Đ vào tham gia tố tụng với lần xét xử thứ 3 nhưng không tổ chức cho các bên hòa giải với ông Đ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, xác định bà L (mẹ đẻ của cháu B) là người đại diện theo pháp luật cho cháu B. Trong các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, và 02 phiên xét xử trước đó, bà L đều tham dự. Sau khi thu thập bổ sung chứng cứ, xác định ngoài bà L, còn có ông Đ, bà H là bố mẹ nuôi của cháu B.

Do quyền lợi của bà L, cháu B có sự mâu thuẫn nên cấp sơ thẩm đưa ông Đ, bà H là người đại diện theo pháp luật cho cháu B là đúng quy định. Ông Đ cho rằng không được công khai chứng cứ và hòa giải, xét các thủ tục trên được thực hiện trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời điểm ông Đồng tham gia vụ án đã là phiên tòa thứ 3 nên không tổ chức lại công khai chứng cứ, hòa giải là đúng quy định. Mặt khác việc tiếp cận chứng cứ được quy định tại phần quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tại phiên tòa, các đương sự vẫn có quyền hòa giải với nhau. Do đó nội dung kháng cáo trên là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Về việc chia di sản của ông Hoàng Thanh:

[3.1.1] Về di chúc của ông Hoàng Thanh:

Ngày 01/9/2014, ông Hoàng T chết có để lại di chúc. Trong di chúc ông T xác định phân di sản thừa kế để lại cho các con bao gồm cả quyền sử dụng 10.580m² đất và tài sản trên đất cho hai người con là Hoàng Thanh TX và Hoàng Gia B. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc xác định diện tích đất thực tế là 9.758,7m². Tiến hành xác minh nguồn gốc đất trên xác định diện tích đất trên gồm 7.500m² có nguồn gốc là đất nhận giao khoán hàng năm của hộ gia đình ông Hoàng T, bà Nguyễn Thị Châu L do ông Hoàng T – đại diện chủ hộ đứng ra ký kết hợp đồng với Công ty nông nghiệp TH và 2258,7m² đất là đất tự khai phá. Diện tích đất trên ông T không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ gia đình ông Hoàng T sử dụng đất với tư cách bên nhận khoán và phải tuân thủ điều khoản về quyền, nghĩa vụ của bên nhận khoán theo hợp đồng đã ký kết cũng như quy định tại Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh. Việc cấp sơ thẩm xác định ông Hoàng T sử dụng đất với tư cách là người được Nhà nước cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất hàng năm là không chính xác. Căn cứ điều khoản về quyền, nghĩa vụ của bên nhận khoán theo hợp đồng đã ký kết; theo quy định tại Điều 10 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về nghĩa vụ và quyền hạn của bên nhận khoán thì ông Hoàng T không có quyền để lại thừa kế đối với quyền sử dụng đất này.

Ngoài ra ông Hoàng T còn định đoạt toàn bộ tài sản trên đất (gồm tài sản trước hôn nhân và cả phần tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân đối với bà L (tài sản chung vợ chồng) là vượt quá quyền hạn của mình. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Châu L, xác định di chúc ông Hoàng T để lại vô hiệu đối với phần phân chia quyền sử dụng đất cũng như phần giá trị tài sản của bà L trong khối tài sản chung vợ chồng là có căn cứ, đúng quy định.

[3.1.2] Về di sản để lại của ông Hoàng Thanh:

Do di chúc xác định không chính xác phần tài sản cũng như di sản để lại nên cần xác định lại phần tài sản và di sản của ông Hoàng T.

Căn cứ theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản xác định:

Phần tài sản chung của ông Hoàng T và bà Nguyễn Thị Châu L là phần nhà ở và các công trình xây dựng trên đất có tổng giá trị là 93.873.000đ. Cấp sơ thẩm xác định phần giá trị tài sản thuộc sở hữu của ông Hoàng T trong khối tài sản chung này được xác định bằng $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản trên là 46.936.500đ là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với tài sản là cây cối trên đất, xác định phần tài sản của ông T gồm:

+ 216 cây nhãn chín muộn cho quả từ 5 đến 10 năm, là tài sản riêng của ông Hoàng T có trước khi ông T kết hôn với bà L. Kết quả định giá tài sản có trị giá: 220.320.000đ. Cấp sơ thẩm xác định giá trị tài sản thuộc sở hữu của ông T trong khối tài sản chung này là 80%, còn của bà L là 20%, Bà Kkháng cáo cho rằng bà L không có công sức đóng góp đối với khối tài sản này do đi làm công nhân, toàn bộ cây trồng này của ông T và do ông T chăm sóc, bà L không được hưởng 20% giá trị tài sản trên. Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù đây là tài sản riêng của ông T có trước thời kỳ hôn nhân, trong thời kỳ hôn nhân, bà L có công việc chính là công nhân, tuy nhiên xác định tài sản trên để thu được hoa lợi, lợi tức phải thường xuyên được chăm sóc, cải tạo, cắt ghép, do đó xác định bà L có công chăm sóc, cải tạo làm tăng giá trị tài sản trên. Phần giá trị tài sản có trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng nên cấp sơ thẩm xác định mỗi bên ông T, bà L được hưởng 50% giá trị phần tài sản này tương đương 20% giá trị tổng tài sản là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với số cây trồng được trồng trong thời kỳ hôn nhân của ông T, bà L được xác định có trị giá 23.496.000đ. Cấp sơ thẩm xác định phần giá trị tài sản thuộc sở hữu của ông T, bà L mỗi người tương ứng $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản bằng 11.748.000đ là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với số cây trồng được trồng sau khi ông T chết có tổng trị giá là 5.883.000đ được xác định là tài sản riêng của bà L.

Như vậy, tổng giá trị tài sản trên đất là 387.668.000đ. Trong đó:

Phần tài sản do ông T để lại là 234.840.500đ (trong đó phần tài sản là cây cối có trị giá 188.004.000đ).

Phần tài sản thuộc sở hữu riêng của bà L là 152.827.500đ (trong đó phần tài sản là cây cối là 61.695.000đ).

Di sản của ông Hoàng T được xác định là phần tài sản còn lại của ông Hoàng T sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế được quy định tại điều 683 Bộ luật dân sự 2005.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, sau khi vụ án được đưa ra xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đến các

nghĩa vụ do ông T để lại, cụ thể là các khoản tiền vay nhằm mục đích chữa bệnh cho ông T và lo mai táng cho ông T. Phần nghĩa vụ này bà L đã thực hiện xong thay cho ông T nên đề nghị được khấu trừ vào toàn bộ di sản thừa kế của ông T. Cấp sơ thẩm xác định tại đơn yêu cầu phản tố của bà L không thể hiện nội dung này, trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi mở phiên tòa bà L cũng không có yêu cầu và xác định đây là một mối quan hệ pháp luật tranh chấp khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại, đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Yêu cầu được thực hiện tại phiên tòa sau thời điểm công khai chứng cứ và tại phiên tòa nên cũng không được Tòa án xác định là yêu cầu phản tố được thụ lý giải quyết. Do vậy, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu này trong vụ án mà tách ra để giải quyết ở một vụ án khác trong trường hợp bà L có yêu cầu.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định: Khoản tiền mai táng phí, cũng như các khoản nợ riêng, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân phải được xem xét trong cùng một vụ án khi tiến hành chia thừa kế, như vậy mới có thể xác định được các nghĩa vụ tài sản để từ đó xác định chính xác di sản của người chết để lại, đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 683 Bộ luật dân sự 2005. Nhận định nêu trên của cấp sơ thẩm là không chính xác.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc khấu trừ các khoản nợ đã vay, thấy rằng: Bị đơn xác định tại thời điểm ông T bị bệnh cũng như khi qua đời, bị đơn bà L đã vay các khoản tiền vay nhằm mục đích chữa bệnh cho ông T và lo mai táng cho ông T. Cụ thể bà L có xuất trình các giấy vay nợ:

- + Giấy biên nhận vay tiền giữa bà L và bà Phạm Thị Nhung (địa chỉ: CN, MS, Sơn La) đề ngày 22/8/2013; 25/2/2014 với tổng số tiền vay là 160.000.000đ. Ngày 10/6/2017, bà L đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc 160.000.000đ và tiền lãi 49.950.000đ.

- + Giấy biên nhận vay tiền giữa bà L và bà Ma Thị Thanh Hà (không ghi địa chỉ) đề ngày 11/8/2013 với số tiền vay là 60.000.000đ. Ngày 18/02/2015, bà L đã thanh toán toàn bộ tiền gốc 60.000.000đ và tiền lãi 840.000đ.

- + Giấy biên nhận vay tiền giữa bà L và bà Nguyễn Thị Hải Yến (địa chỉ: Tiểu khu 40, thị trấn nông trường Mộc Châu, Mộc Châu, Sơn La) đề ngày 15/9/2013 với số tiền vay là 30.000.000đ. Ngày 21/2/2015, bà L đã thanh toán toàn bộ số tiền 30.000.000đ nói trên.

- + Giấy biên nhận vay tiền giữa bà L và bà Đinh Thị Huyền Trang (địa chỉ: Tiểu khu Bó Bun, thị trấn Nông trường Mộc Châu, Mộc Châu, Sơn La) đề ngày 05/12/2013 và 07/01/2014 với tổng số tiền vay là 150.000.000đ. Ngày 05/7/2015, bà L đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi là 25.000.000đ.

- + Giấy xác nhận của bà Hoàng Thị Thanh Hồng (địa chỉ: Số nhà 07, tiểu khu 4, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) xác nhận việc năm 2012 đã cho vợ

chồng ông T, bà L vay 20.000.000đ. Năm 2015, bà L đã trả hết số tiền 20.000.000đ.

+ Bản photo giấy biên nhận vay tiền giữa bà L và bà Lê Thị Nhung (không ghi địa chỉ) đề ngày 18/2/2013, 17/8/2013 với tổng số tiền 30.000.000đ. Ngày 02/3/2016, bà L đã trả hết số tiền 30.000.000đ.

Đối với các giấy tờ, chứng cứ bà L xuất trình, xét thấy các giấy tờ đều đề ngày vay tại thời điểm ông T còn sống và đề ngày trả sau thời điểm ông T chết. Tuy nhiên các giấy vay tiền trên không có chữ ký xác nhận của ông T. Bị đơn bà L cũng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc bà đã sử dụng số tiền bà đã vay để phục vụ vào việc chữa bệnh, mai táng cho ông T (các hóa đơn, bệnh án, giấy tờ điều trị, hóa đơn mua thuốc, bảng kê khai quá trình đi lại, điều trị, bảng kê khai chi phí mai táng...). Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đương sự có nghĩa vụ phải đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Với các tài liệu chứng cứ bà L cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng không đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu trên của bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L.

Đối với khoản tiền mai táng phí: Có căn cứ xác định bà L là người bỏ ra chi phí để lo mai táng cho ông T. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn xuất trình bảng kê chi tiết các khoản chi phí mai táng với tổng giá trị là 60.000.000đ. Mặc dù bị đơn không cung cấp hóa đơn chứng từ song xét các khoản chi phí mai táng mà bị đơn kê khai là phù hợp với thực tế, phù hợp với phong tục tập quán về mai táng ở địa phương, cần chấp nhận. Tuy nhiên số tiền mai táng phí này cần được khấu trừ vào số tiền 11.500.000 đồng Trợ cấp mai táng do Bảo hiểm xã hội đã chi trả cho bà L. Phần chi phí mai táng phải được khấu trừ vào phần tài sản của ông T để lại để thanh toán cho bà L trước khi chia di sản. Số tiền cần phải khấu trừ là $60.000.000đ - 11.500.000đ = 48.500.000đ$.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận thống nhất khấu trừ khoản tiền này vào tiền tử tuất do ông Hoàng T để lại, còn lại được chia theo quy định. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Do đó xác định di sản ông Hoàng T để lại là 234.840.500đ như cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

[3.1.3] Việc xác định người thừa kế và thời điểm mở thừa kế của ông Hoàng Thanh:

Căn cứ lời khai của các đương sự, đối chiếu hồ sơ bảo hiểm xã hội; cấp sơ thẩm xác định thời điểm mở thừa kế là ngày ông Hoàng T mất – ngày 01/9/2014 và những người thừa kế theo di chúc gồm anh Hoàng Thanh TX, cháu Hoàng Gia B; những người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc gồm chị Hoàng Thái X, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Châu L. Việc xác định thời điểm mở thừa kế và người thừa kế của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định.

[3.1.4] Về việc chia thừa kế:

Về việc chia thừa kế: Cấp sơ thẩm xác định bà L, bà Nghĩa, chị X là những người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc, mỗi người được hưởng kỷ phần bằng $\frac{2}{3}$ xuất một người thừa kế theo pháp luật, tương đương tài sản trị giá 31.325.400đ. Xác định anh Hoàng Thanh TX, cháu Hoàng Gia B được hưởng thừa kế theo di chúc, mỗi người được hưởng kỷ phần bằng $\frac{1}{2}$ giá trị di sản còn lại của ông T sau khi đã được chia kỷ phần thừa kế cho bà L, bà Nghĩa, chị X tương đương tài sản trị giá 70.482.100đ là có căn cứ, đúng quy định. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng bị đơn bà L cố tình che dấu di chúc, giả mạo giấy tờ và khai báo không trung thực gây thiệt hại cho những người được thừa kế khác và đề nghị tước quyền thừa kế của bị đơn là không có căn cứ bởi lẽ quá trình lập di chúc không có sự tham dự của bà L, nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng minh việc bà L biết và cố tình che dấu di chúc cũng như việc làm giả các giấy tờ. Do đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ng tự nguyện chuyển giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho cháu Hoàng Gia B, cấp sơ thẩm nhận định và ghi nhận trong bản án là đúng quy định. Quá trình giải quyết phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Ng chết. Tại thời điểm bà Nghĩa chết, bà Nghĩa không thay đổi nội dung trên. Do đó việc bà Nguyễn Thị Ng tự nguyện chuyển giao kỷ phần thừa kế được hưởng cho cháu Hoàng Gia B là có giá trị pháp luật.

Năm 2017, anh Hoàng Thanh TX chết. Hiện do anh TX đã chết nên kỷ phần thừa kế anh TX được từ di sản của ông T được để lại cho các hàng thừa kế. Cấp sơ thẩm xác định bà K là người thừa kế duy nhất của anh TX và được hưởng kỷ phần thừa kế từ di sản của ông T là có căn cứ, đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án bà K tự nguyện chuyển giao phần thừa kế nêu trên cho chị Hoàng Thái X, cấp sơ thẩm nhận định và ghi nhận trong bản án là đúng quy định.

[3.1.5] Về phân chia di sản bằng hiện vật:

Đối với nhà cửa vật liệu kiến trúc: Cấp sơ thẩm xác định và phân chia di sản của ông Hoàng Để lại gồm nhà cửa vật liệu kiến trúc, cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị Châu L, cháu Hoàng Gia B, chị Hoàng Thái X đồng thời tạm giao diện tích đất tương ứng với phần tài sản trên đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định trên thửa đất được tạm giao cho chị Hoàng Thái X có phần tường rào xây gạch ba vanh do bà Nguyễn Thị Châu L xây dựng. Do đó cấp sơ thẩm buộc chị Hoàng Thái X phải thanh toán phần giá trị phần tường rào xây gạch ba vanh cho bà Nguyễn Thị Châu L là có căn cứ, đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của cháu Hoàng Gia B – ông Hoàng Văn Đ tự nguyện giao phần di sản của cháu Hoàng Gia B được hưởng cho bà Nguyễn Thị Châu L quản lý đến khi cháu Hoàng Gia B trưởng thành. Xét thấy cháu Hoàng Gia B hiện còn nhỏ không có khả năng quản lý, sử dụng khối tài sản trên, bà Nguyễn Thị Châu L là mẹ đẻ của cháu B, việc giao quản lý trên

không ảnh hưởng đến giá trị của phần di sản cháu B được hưởng, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3.2] Về phần tiền tử tuất do Bảo hiểm xã hội chi trả khi ông T chết:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thái X có yêu cầu độc lập; bà Giang Thị K bổ sung nội dung khởi kiện đề nghị chia số tiền tử tuất do Bảo hiểm xã hội chi trả khi ông T chết.

Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm, xác định số tiền tử tuất Bảo hiểm xã hội tỉnh Sơn La chi trả là 200.373.193đ trong đó khoản tiền tuất chi trả cho thân nhân là 188.873.193đ (gồm trợ cấp khu vực một lần 17.422.500đ; trợ cấp tuất một lần: 171.450.693đ). Lẽ ra số tiền trên cần chia đều cho các thân nhân của ông Hoàng T được hưởng khoản trợ cấp này gồm: bà Ng, bà Đ, bà L, cháu B, anh TX, chị X. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận khấu trừ phần mai táng phí vào tiền tử tuất do ông Hoàng T để lại. Do đó, số tiền tử tuất còn lại để chia được xác định lại là 188.873.193đ - 48.500.000đ = 140.373.193đ

Bà Ng, bà Đ, bà L, cháu B, anh TX, chị X mỗi người được 1/6 tổng số tiền tử tuất còn lại 23.395.532đ.

Do anh TX đã chết, nên số tiền tuất anh TX được nhận được để lại cho người thừa kế theo pháp luật là bà Khuyên. Quá trình giải quyết vụ án, bà K đề nghị chuyển giao toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng từ di sản của anh TX cho chị Xuân. Cấp sơ thẩm nhận định, chấp nhận trong bản án là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với phần của bà Ng, bà Đ, cháu B, cấp sơ thẩm xác định các đương sự trên không có yêu cầu độc lập và không xem xét giải quyết là chưa toàn diện. Do số tiền này bà L đang quản lý nên cần buộc bà L có trách nhiệm thanh toán lại cho các thân nhân khác được hưởng theo quy định.

[3.3] Đối với kháng cáo của bị đơn bà L kháng cáo Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá cho 03 lần thẩm định, định giá, ông Đồng kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Gia B phải chịu chi phí tố tụng là không đúng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các lần xem xét thẩm định, định giá của cấp sơ thẩm là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Đối với nghĩa vụ chịu chi phí định giá, thẩm định giá thì các đương sự phải chịu chi phí tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Do đó cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu phần chi phí tố tụng tương ứng phần tài sản bị đơn được hưởng đối với các lần định giá, thẩm định giá là đúng quy định.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Giang Thị K, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn

Thị Châu L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên Hoàng Văn Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Chi phí tố tụng và án phí:

Do tiền tử tuất bị chia lại nên cần sửa lại chi phí tố tụng cũng như án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án bị sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Giang Thị K, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Châu L và đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên Hoàng Gia B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị K về việc chia di sản thừa kế của cháu Hoàng Thanh TX. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị Châu L về việc đề nghị tuyên bố Di chúc lập ngày 14/8/2014 vô hiệu. Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế và chia tiền tử tuất của ông Hoàng T, như sau:

1. Tuyên bố di chúc ông Hoàng T lập ngày 14/8/2014 vô hiệu đối với việc định đoạt quyền sử dụng diện tích đất 10.580m². Trong đó: 7.500m² có nguồn gốc nhận thầu khoán của nông trường theo hợp đồng số 345 giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản ngày 01/01/2010 được ký giữa bên giao khoán là Công ty Nông nghiệp TH và bên nhận khoán là ông Hoàng T và 3.080m² và khai hoang sử dụng thêm. Hiện toàn bộ diện tích đất trên được giao cho UBND huyện MS quản lý theo quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên nông nghiệp TH tại huyện MS, tỉnh Sơn La. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vô hiệu đối với việc định đoạt ½ giá trị ngôi nhà là tài sản chung của ông Hoàng T với bà L. Xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 01/9/2014.

Yêu cầu Văn phòng công chứng Hồng Hà (nay là văn phòng Công chứng Lê Q) phải sửa lỗi kỹ thuật trong đánh máy văn bản tại phần ghi địa điểm công chứng. Sửa từ: Tại trụ sở văn phòng công chứng Hồng Hà tỉnh Sơn La thành tại nhà ông Hoàng T - tiểu khu 1, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng T gồm: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Châu Loan, anh Hoàng Thanh TX, cháu Hoàng Gia B, chị

Hoàng Thái X. Những đồng thừa kế này được hưởng di sản thừa kế của ông Hoàng T có tổng giá trị là 234.840.500đ

3. Kỉ phần thừa kế được xác định như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Châu L và chị Hoàng Thái X mỗi người được chia kỷ phần có giá trị là 31.325.400đ.

- Anh Hoàng Thanh TX và cháu Hoàng Gia B mỗi người được chia kỷ phần có giá trị là 70.482.100đ.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ng cho cháu Hoàng Gia B kỷ phần thừa kế được hưởng.

5. Xác định thân nhân của ông Hoàng T thuộc diện được hưởng trợ cấp tuất một lần gồm: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Châu Loan, anh Hoàng Thanh TX, cháu Hoàng Gia B, chị Hoàng Thái X, bà Nguyễn Thị Đ. Bà Nghĩa, bà L, cháu B, anh TX, chị X, bà Đ mỗi người được số tiền 23.395.532đ.

6. Xác định di sản của anh Hoàng Thanh TX để lại trước khi chết gồm phần di sản được chia theo di chúc do ông Hoàng T để lại và khoản tiền được hưởng trong số tiền trợ cấp tuất một lần của ông Hoàng Thanh. Tổng di sản thừa kế của anh Hoàng Thanh TX là: $70.482.100đ + 23.385.532đ = 93.867.632đ$. Thời điểm mở thừa kế của anh TX là ngày 01/10/2017.

6.1 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của anh Hoàng Thanh TX là bà Giang Thị K. Toàn bộ di sản của anh TX được chia theo pháp luật. Bà Giang Thị K được nhận kỷ phần là toàn bộ di sản thừa kế của anh TX.

6.2 Ghi nhận việc bà Giang Thị K nhượng lại toàn bộ kỷ phần được hưởng thừa kế của anh Hoàng Thanh TX cho chị Hoàng Thái X. Chị Hoàng Thái X được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của anh Hoàng Thanh TX có giá trị là 93.867.632đ.

7. Di sản thừa kế của ông Hoàng T được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị Châu L được hưởng phần thừa kế có trị giá 31.325.400đ.

- Cháu Hoàng Gia B được hưởng phần thừa kế có trị giá 101.807.500đ.

- Chị Hoàng Thái X được hưởng phần thừa kế có trị giá 101.807.500đ.

8. Chia hiện vật cụ thể như sau:

8.1. Bà Nguyễn Thị Châu L được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ ngôi nhà cùng công trình phụ trên đất (bao gồm toàn bộ di sản của ông Hoàng T nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng là nhà ở, bếp, bể nước, công trình phụ, và các tài sản khác gồm sân bê tông, kho, mái tôn được bà L làm sau khi ông Hoàng T chết) gắn liền với phần diện tích đất được tạm giao là: $463,6m^2$. Phần di sản bà L được chia có giá trị 46.936.500đ. So với kỷ phần được hưởng còn thừa 15.611.100đ.

Phần giá trị cây cối bà L được chia là 61.695.000đ (gồm giá trị phần công sức đóng góp trong việc chăm sóc cây cối, cây trồng sau khi ông T chết là tài sản

riêng của bà L và $\frac{1}{2}$ giá trị cây trồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân với ông T). Sau khi bù trừ với phần còn thừa của kỷ phần được hưởng 15.611.100đ còn lại là 46.084.000đ. Bà L được sở hữu toàn bộ cây trồng có giá trị 46.084.000đ nằm trên phần diện tích đất được tạm giao là 1.715,5m².

Tổng diện tích đất bà L được tạm giao là 2.179,1m². Vị trí thửa đất như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất nhà ông Phạm Văn Sơn (Trình) có chiều dài 221,17m.

Phía Tây Nam giáp đường đi tiểu khu 3/2 có chiều dài 15,41m.

Phía Đông Nam giáp đất được chia cho Hoàng Thái B là 29,49m và 191,84m;

Phía Đông Bắc giáp đất được chia cho Hoàng Thái Bảo là 6,83m và giáp đường đất là 8,94m.

8.2. Chị Hoàng Thái X được sở hữu và chăm sóc toàn bộ cây trồng có giá trị 101.807.500đ (gồm giá trị cây cối tương ứng với kỷ phần được hưởng là 31.325.400đ và giá trị cây cối tương ứng với kỷ phần do bà K tự nguyện chuyển giao từ di sản của anh Hoàng Thanh TX là 70.482.100đ) nằm trên phần diện tích đất được tạm giao là 3.789,7m². Vị trí thửa đất như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất được tạm giao cho cháu B có chiều dài 221,69m.

Phía Tây Nam giáp đường đi tiểu khu 32 có chiều dài 18,5m.

Phía Đông Bắc giáp đường đất dài 14,67m

Phía Đông Nam giáp đất ông Sơn Vinh sử dụng có chiều dài 184,30m + 39m = 223,3m.

- Buộc chị Hoàng Thái X có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Châu L giá trị phần hàng rào xây gạch ba vạnh là 12.340.000đ.

8.3 Cháu Hoàng Gia B được sở hữu và chăm sóc toàn bộ cây trồng có giá trị 101.807.500đ (gồm giá trị cây cối tương ứng với kỷ phần được hưởng là 70.482.100đ và giá trị cây cối tương ứng với kỷ phần do bà Nghĩa tự nguyện cho là 31.325.400đ) nằm trên phần diện tích đất được tạm giao là 3.789,7m². Vị trí thửa đất như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất được tạm giao cho bà L có chiều dài 191,84m và 29,49m;

Phía Tây Nam giáp đường đi tiểu khu 32 có chiều dài 14,04m.

Phía Đông Bắc giáp đường đất dài 16,38m, giáp đất tạm giao cho bà L là 6,83m;

Phía Đông Nam giáp đất tạm giao cho chị X có chiều dài 221,69m.

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Văn Đ (đại diện hợp pháp của cháu Hoàng Gia B) về việc giao toàn bộ tài sản được hưởng của cháu Hoàng Gia B cho bà Nguyễn Thị Châu L quản lý cho đến khi cháu Hoàng Gia B trưởng

thành đủ 18 tuổi.

(Có sơ đồ kèm theo).

9. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L phải có trách nhiệm trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thái X số tiền tử tuất một lần là 46.791.064đ (làm tròn 46.791.000đ) gồm phần tiền tử tuất một lần được hưởng của chị Hoàng Thái X và anh Hoàng Thanh TX.

Buộc bà Nguyễn Thị Châu L phải có trách nhiệm trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng, cháu Hoàng Gia B, bà Nguyễn Thị Đ số tiền tử tuất một lần là 23.395.532đ (làm tròn 23.395.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (chị Xuân) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

10. Về án phí và chi phí tố tụng:

10.1. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 10.000.000đ. Các đương sự bà Nguyễn Thị Châu Loan, cháu Hoàng Gia B, chị Hoàng Thái X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tương ứng với tỷ phần được hưởng. Cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Châu L phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.334.000đ.

Cháu Hoàng Gia B phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.333.000đ.

Chị Hoàng Thái X phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.333.000đ.

Bà Nguyễn Thị Châu L đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 1.500.000đ, bà Giang Thị K đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 8.500.000đ. Bà Nguyễn Thị Châu L đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Cháu Hoàng Gia B phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Châu L số tiền là 166.000đ, hoàn trả cho bà Giang Thị K số tiền là 4.167.000đ - chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà bà L, bà K đã nộp thay. Chị Hoàng Thái X phải hoàn trả cho bà Giang Thị K số tiền là 4.333.000đ - chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà bà K đã nộp thay.

10.2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Giang Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được tòa án chấp nhận là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai thu số AA/2013/04849 ngày 02/8/2018 và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0004101 ngày 08/11/2019 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Bà K được hoàn lại số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần thừa kế được hưởng của ông T là 1.566.300đ; phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tử tuất một lần được hưởng là 1.169.750đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0001878 ngày 25/9/2018 và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0003298 ngày 28/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 2.136.050đ, làm tròn 2.136.000đ (Hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thái X không phải chịu án phí phúc thẩm, phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần thừa kế được hưởng của ông T là 5.090.000đ, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tử tuất một lần được hưởng là 2.339.550đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số AA/2016/00021028 ngày 23/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị Hoàng Thái X còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.929.550đ (làm tròn 4.929.000đ) (Bốn triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tử tuất một lần được hưởng là 1.169.750đ, làm tròn 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Gia B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (20/5/2020).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện MS;
- Tòa án nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền

